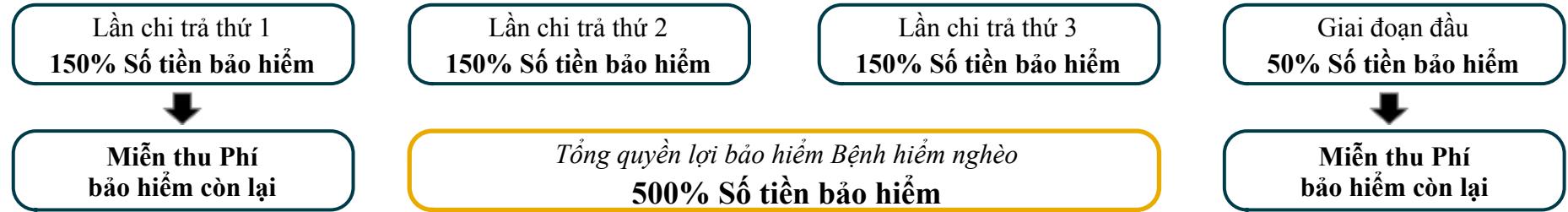


BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO AN KHANG

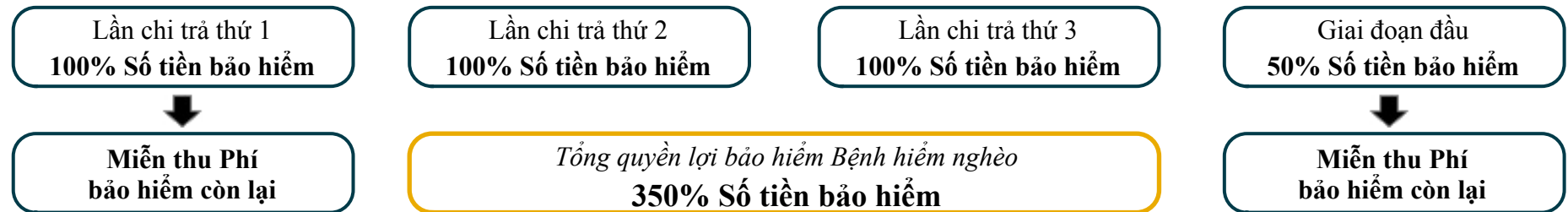
Sức khỏe như vàng, bình an cuộc sống

Sức khỏe là tài sản quý giá nhất của mỗi người, sức khỏe càng quan trọng hơn nữa nếu như bạn chính là điểm tựa cho những người thân yêu. Làm sao có thể chu toàn cho cuộc sống của người bạn đời, đầu tư giáo dục cho tương lai con cái hay chăm sóc cho bố mẹ lúc tuổi xế chiều khi sức khỏe bản thân không được đảm bảo. Bảo An Khang cùng với những quyền lợi tài chính vượt trội có thể giúp bảo vệ khách hàng lên đến 4 LẦN trước Danh sách lên đến 42 Bệnh hiểm nghèo đến tuổi 75.

Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm mắc Bệnh hiểm nghèo thuộc Nhóm 1



Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm mắc Bệnh hiểm nghèo thuộc Nhóm 2, Nhóm 3, Nhóm 4 và Nhóm 5



Bên mua bảo hiểm: NGUYEN MINH
Tuổi: 30
Giới tính: Nam
CMND/Hộ chiếu:
Địa chỉ liên hệ:

Người lập: Thuy, Nguyen Ngoc
Mã số: V493
Ngày lập: 31/08/2017
Chi nhánh: HCM
Điện thoại:
Địa chỉ Email:

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG

Người được bảo hiểm (NĐBH)	Tuổi - Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm (Đồng)	Thời hạn bảo hiểm (Năm)	Thời hạn đóng phí ⁽¹⁾ (Năm)	Phí bảo hiểm năm (Đồng)
Nguyen Minh	30 - Nam	1	Bảo An Khang (Sản phẩm chính)	350.000.000	45	15	15.533.000

Phí bảo hiểm theo định kỳ đóng phí (Đồng)	Quý	Nửa năm	Năm
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính	3.883.250	7.766.500	15.533.000
Tổng phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung năm đầu ⁽²⁾	0	0	0
Tổng Phí bảo hiểm năm đầu ⁽³⁾	○ 3.884.000	○ 7.767.000	⊙ 15.533.000

Ghi chú:

- (1) Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính minh họa trên đây là Thời hạn đóng phí tối thiểu, khách hàng có thể đóng phí với thời hạn dài hơn để gia tăng giá trị tài khoản, tùy thuộc vào nhu cầu tiết kiệm của mình.
- (2) Tổng phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung các năm tiếp theo có thể khác năm đầu nếu khách hàng tham gia thêm (các) sản phẩm bổ sung, tùy thuộc vào nhu cầu bảo vệ của mình hoặc do (các) sản phẩm bổ sung chấm dứt hiệu lực.
- (3) Tổng Phí bảo hiểm năm đầu bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản của Sản phẩm chính và phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có). Tùy thuộc vào nhu cầu tiết kiệm của mình, khách hàng có thể đóng thêm Phí bảo hiểm đóng thêm để gia tăng Giá trị tài khoản.

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Quyền lợi bảo hiểm sản phẩm chính

Người được bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả (Đồng)
Nguyen Minh	Mắc bệnh hiểm nghèo lần 1	
	Bệnh hiểm nghèo Nhóm 1	525.000.000 + Miễn thu phí bảo hiểm còn lại
	Bệnh hiểm nghèo Nhóm 2, 3, 4 và 5	350.000.000 + Miễn thu phí bảo hiểm còn lại
	Mắc bệnh hiểm nghèo lần 2	
	Bệnh hiểm nghèo Nhóm 1	525.000.000
	Bệnh hiểm nghèo Nhóm 2, 3, 4 và 5	350.000.000
Mắc bệnh hiểm nghèo lần 3		
Bệnh hiểm nghèo Nhóm 1	525.000.000 + Giá trị tài khoản	
Bệnh hiểm nghèo Nhóm 2, 3, 4 và 5	350.000.000 + Giá trị tài khoản	
Mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu		175.000.000 + Miễn thu phí bảo hiểm còn lại
Tử vong		35.000.000 + Giá trị tài khoản

Danh sách Bệnh hiểm nghèo

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Giai đoạn đầu
Ung thư	Các bệnh suy cơ quan chính	Các bệnh của hệ thống tuần hoàn	Các bệnh của hệ thống thần kinh	Các bệnh khác	
1. Ung thư đe dọa tính mạng	2. Bệnh thiếu máu bất sản 3. Mất thị lực 4. Bệnh gan giai đoạn cuối 5. Bệnh phổi giai đoạn cuối 6. Suy thận giai đoạn cuối 7. Mất thính lực 8. Ghép nội tạng chính 9. Cây ghép tủy xương 10. Viêm gan siêu vi tối cấp 11. Bệnh Lupus đỏ hệ thống có biến chứng viêm thận do Lupus 12. Bệnh nang tủy thận 13. Bệnh nặng giai đoạn cuối	14. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 15. Bệnh nhồi máu cơ tim 16. Phẫu thuật thay thế van tim 17. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát Pulmonary 18. Bệnh cơ tim 19. Phẫu thuật động mạch chủ	20. Bệnh Alzheimer / Mất trí nghiêm trọng 21. Phẫu thuật sọ não 22. U não lành tính 23. Hôn mê 24. Bệnh tế bào thần kinh vận động 25. Bệnh đa xơ cứng 26. Bệnh teo cơ 27. Bệnh Parkinson 28. Đột quy 29. Viêm đa khớp dạng thấp nặng 30. Liệt	31. Viêm màng não do vi khuẩn 32. Mất khả năng phát âm 33. Mất các chi 34. Bỏng nặng 35. Chấn thương sọ não nghiêm trọng 36. Viêm não 37. Bệnh bại liệt	1. Ung thư biểu mô tại chỗ/ Ung thư giai đoạn đầu tại các cơ quan cụ thể 2. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 3. Cấy máy tạo nhịp tim/ Cấy máy khử rung tim 4. Phẫu thuật cắt bỏ một bên thận/ Suy thận cấp 5. Đặt lưu dẫn não thất/ Phẫu thuật phình động mạch não

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm (1)	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo					Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH từ vong ⁽⁴⁾	Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy 7% ⁽⁵⁾		Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy đảm bảo (6)	
				Giai đoạn đầu ⁽²⁾	Lần 1/ Lần 2		Lần 3 ⁽³⁾			Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽⁷⁾	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽⁷⁾
					Nhóm 1	Nhóm 2-5	Nhóm 1	Nhóm 2-5					
1	30	15.533	6.990	175.000	525.000	350.000	531.536	356.536	41.536	6.536	-	6.275	-
2	31	15.533	8.543	175.000	525.000	350.000	540.151	365.151	50.151	15.151	-	14.300	-
3	32	15.533	10.873	175.000	525.000	350.000	551.815	376.815	61.815	26.815	2.681	24.918	2.492
4	33	15.533	13.203	175.000	525.000	350.000	566.726	391.726	76.726	41.726	6.259	38.195	5.729
5	34	15.533	13.980	175.000	525.000	350.000	583.448	408.448	93.448	58.448	11.690	52.606	10.521
6	35	15.533	14.290	175.000	525.000	350.000	601.592	426.592	111.592	76.592	19.148	67.691	16.923
7	36	15.533	14.290	175.000	525.000	350.000	620.937	445.937	130.937	95.937	28.781	83.161	24.948
8	37	15.533	14.290	175.000	525.000	350.000	641.524	466.524	151.524	116.524	40.783	98.985	34.645
9	38	15.533	14.290	175.000	525.000	350.000	663.432	488.432	173.432	138.432	55.373	115.166	46.066
10	39	15.533	14.290	175.000	525.000	350.000	686.747	511.747	196.747	161.747	72.786	131.708	59.269
11	40	15.533	14.601	175.000	525.000	350.000	711.906	536.906	221.906	186.906	93.453	148.949	74.474
12	41	15.533	14.601	175.000	525.000	350.000	738.671	563.671	248.671	213.671	117.519	166.554	91.605
13	42	15.533	14.601	175.000	525.000	350.000	767.116	592.116	277.116	242.116	145.270	184.499	110.699
14	43	15.533	14.601	175.000	525.000	350.000	797.324	622.324	307.324	272.324	177.010	202.758	131.793
15	44	15.533	14.601	175.000	525.000	350.000	916.928	741.928	426.928	391.928	274.350	308.852	216.196
16	45			175.000	525.000	350.000	941.538	766.538	451.538	416.538	312.404	315.351	236.513
17	46			175.000	525.000	350.000	967.621	792.621	477.621	442.621	354.097	321.799	257.439
18	47			175.000	525.000	350.000	995.282	820.282	505.282	470.282	399.740	328.199	278.969
19	48			175.000	525.000	350.000	1.024.687	849.687	534.687	499.687	449.719	334.603	301.143
20	49			175.000	525.000	350.000	1.055.955	880.955	565.955	530.955	504.407	341.007	323.957
21	50			175.000	525.000	350.000	1.089.193	914.193	599.193	564.193	564.193	347.389	347.389

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi	Tổng Phí bảo hiểm (1)	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo					Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH tử vong ⁽⁴⁾	Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy 7% ⁽⁵⁾		Giá trị minh họa tại mức lãi suất tích lũy đảm bảo (6)	
				Giai đoạn đầu ⁽²⁾	Lần 1/ Lần 2		Lần 3 ⁽³⁾			Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽⁷⁾	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại ⁽⁷⁾
					Nhóm 1	Nhóm 2-5	Nhóm 1	Nhóm 2-5					
26	55			175.000	525.000	350.000	1.288.064	1.113.064	798.064	763.064	763.064	377.013	377.013
31	60			175.000	525.000	350.000	1.549.907	1.374.907	1.059.907	1.024.907	1.024.907	395.766	395.766
36	65			175.000	525.000	350.000	1.891.074	1.716.074	1.401.074	1.366.074	1.366.074	393.807	393.807
41	70			175.000	525.000	350.000	2.333.008	2.158.008	1.843.008	1.808.008	1.808.008	358.239	358.239
45	74			175.000	525.000	350.000	2.769.621	2.594.621	2.279.621	2.244.621	2.244.621	287.062	287.062

Quyền lợi thưởng hoàn tất đóng phí:⁽⁸⁾ 87.500.000 đồng

Ghi chú:

- Tổng Phí bảo hiểm bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) SPBS (nếu có). Phí bảo hiểm của (các) SPBS (nếu có) được minh họa theo Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính. Theo đó, nếu Thời hạn đóng phí của (các) SPBS (nếu có) dài hơn Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính, Phí bảo hiểm của (các) SPBS sẽ được tự động khấu trừ từ Giá trị tài khoản cho đến khi kết thúc Thời hạn đóng phí của (các) SPBS hoặc đến khi Giá trị tài khoản bằng 0.
- Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu tối đa là 500 triệu.
- Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH mắc Bệnh hiểm nghèo lần thứ ba được minh họa dựa trên Giá trị tài khoản tại mức Lãi suất tích lũy minh họa.
- Quyền lợi bảo hiểm khi NĐBH tử vong được minh họa dựa trên Giá trị tài khoản tại mức Lãi suất tích lũy minh họa.
- Lãi suất tích lũy minh họa được tính bằng trung bình các mức lãi suất tích lũy của sản phẩm được Công ty công bố trong 60 tháng gần nhất.
- Lãi suất tích lũy đảm bảo là 3%/năm cho tất cả các Năm hợp đồng.
- Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Giá trị này được xác định bằng Giá trị tài khoản trừ đi Chi phí hủy hợp đồng.
- Quyền lợi thưởng hoàn tất đóng phí đã bao gồm trong Giá trị tài khoản/Giá trị hoàn lại tại cuối Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính.
 - Các giá trị minh họa trên là giá trị tại cuối mỗi Năm hợp đồng.
 - Hợp đồng mất hiệu lực khi Giá trị tài khoản thấp hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.

TÓM TẮT CHI PHÍ CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tuổi	Chi phí ban đầu	Chi phí quản lý hợp đồng	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính*	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bổ sung
1	30	8.543	360	549	-
2	31	6.990	360	588	-
3	32	4.660	360	633	-
4	33	2.330	360	693	-
5	34	1.553	360	756	-
6	35	1.243	360	833	-
7	36	1.243	360	899	-
8	37	1.243	360	1.008	-
9	38	1.243	360	1.123	-
10	39	1.243	360	1.246	-
11	40	932	360	1.361	-
12	41	932	360	1.512	-
13	42	932	360	1.697	-
14	43	932	360	1.918	-
15	44	932	360	2.128	-
16	45	-	360	2.362	-
17	46	-	360	2.604	-
18	47	-	360	2.842	-
19	48	-	360	3.027	-
20	49	-	360	3.216	-
21	50	-	360	3.426	-
26	55	-	360	5.309	-
31	60	-	360	8.865	-
36	65	-	360	13.884	-
41	70	-	360	21.367	-
45	74	-	360	30.845	-

*Dựa trên mức lãi suất tích lũy đảm bảo

1. Chi phí ban đầu

Chi phí ban đầu được tính bằng phần trăm (%) của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm. Chi phí ban đầu được khấu trừ trước khi phân bổ vào tài khoản theo tỷ lệ sau:

Phí bảo hiểm cơ bản

Thời hạn đóng phí tối thiểu (Năm)	Năm hợp đồng							
	1	2	3	4	5	6 - 10	11 - 15	16 +
15	55%	45%	30%	15%	10%	8%	6%	0%

Phí bảo hiểm đóng thêm

Thời hạn đóng phí tối thiểu (Năm)	Năm hợp đồng					
	1	2	3	4	5	6 +
15	5%	5%	5%	5%	5%	3%

2. Chi phí bảo hiểm rủi ro

Chi phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ hàng tháng từ tài khoản để chi trả quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí bảo hiểm rủi ro thay đổi theo Tuổi hiện tại và Giới tính của Người được bảo hiểm.

3. Chi phí quản lý hợp đồng

Chi phí quản lý hợp đồng hiện tại là ba mươi ngàn đồng một tháng (30.000 đồng/tháng), sẽ được khấu trừ hàng tháng từ tài khoản.

4. Chi phí quản lý quỹ

Chi phí quản lý quỹ sẽ được Công ty khấu trừ từ lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung trước khi công bố lãi suất tích lũy để ghi nhận vào tài khoản. Chi phí quản lý quỹ hiện tại là hai phần trăm một năm (2%/năm).

5. Chi phí hủy bỏ hợp đồng

Chi phí hủy hợp đồng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của Giá trị tài khoản như sau:

Thời hạn đóng phí tối thiểu (Năm)	Năm hợp đồng																				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21+
15	100%	100%	90%	85%	80%	75%	70%	65%	60%	55%	50%	45%	40%	35%	30%	25%	20%	15%	10%	5%	0%

Lưu ý: Các chi phí nêu trên không được bảo đảm và có thể thay đổi theo phê duyệt của Bộ Tài chính.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi Hợp đồng bảo hiểm này (Bảng minh họa quyền lợi này), cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi được Tư vấn tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Bảng minh họa quyền lợi này; các quyền lợi bảo hiểm; các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; các loại phí, chi phí và phương thức phân bổ, khấu trừ phí; chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung và các sản phẩm bổ sung (nếu có). Tôi đã hiểu và chấp nhận các rủi ro đầu tư liên quan.
2. Bảng minh họa quyền lợi này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản và Giá trị hoàn lại của Hợp đồng bảo hiểm.
3. Công ty cam kết mức lãi suất tích lũy đảm bảo tối thiểu là ba phần trăm một năm (3%/năm).
4. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào mức lãi suất tích lũy thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi này.
5. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn đóng phí tối thiểu hoặc khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn các khoản khấu trừ hàng tháng và các Khoản nợ (nếu có).
6. Phí bảo hiểm được đóng theo các phương thức được quy định bởi Công ty tại từng thời điểm. Trong trường hợp được sự chấp thuận của Bộ Tài chính, Công ty có thể thay đổi mức phí của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung. Tuy nhiên, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỉ niệm hợp đồng và Công ty sẽ thông báo trước 03 (ba) tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
7. Bảng minh họa quyền lợi này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và không được xem như là Hợp đồng bảo hiểm hay đề nghị giao kết hợp đồng.
8. "Công ty" hoặc "Sun Life Việt Nam" được hiểu là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Bên mua bảo hiểm (viết bằng chữ thường)]

Tôi, **Tư vấn Tài chính**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa quyền lợi này với Bên mua bảo hiểm nêu trên một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của tôi và theo sự hiểu biết của tôi đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm của Bảng minh họa quyền lợi này.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Tư vấn tài chính (viết bằng chữ thường)]